

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH MIỆN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-4-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Đức Chính.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Đình Phúc

2. Ông Nguyễn Ngọc Nghiêm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên

Ngày 19/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12/11/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/4/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bông L**, sinh năm 1993; nơi ĐKTT: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Căn 514, Nơ 3, khu đô thị P, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Bông L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Đức H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 22/01/2018 và được gia đình tổ chức lễ cưới theo tập quán. Sau ngày cưới, anh chị thuê nhà ở Hà Nội làm ăn sinh sống, ngày nghỉ mới về quê ở xã N, huyện T. Quá trình chung sống, anh chị hạnh phúc được khoảng 09 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hòa hợp, bất đồng mọi mặt trong cuộc sống. Do không giải quyết được mâu thuẫn, anh chị đã ly thân từ 02 năm về trước. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân, nên xin ly hôn anh Nguyễn Đức H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/12/2018 do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị xác định có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con tốt nhất nên có nguyện vọng được tiếp tục nuôi

con và yêu cầu anh Nguyễn Đức H cấp dưỡng nuôi con với mức 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đức H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân của anh chị đúng như chị Nguyễn Thị Bông L đã khai. Nay chị L xin ly hôn, anh xác định không còn tình cảm vợ chồng, không có biện pháp gì để hôn nhân tồn tại, nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh với chị L có một con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/12/2018 do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, anh không đồng ý mức cấp dưỡng như chị L yêu cầu là 5.000.000 đồng/tháng, mà chỉ có thể cấp dưỡng mức 1.000.000 đồng/tháng vì anh là lao động tự do, hiện việc làm và thu nhập không ổn định do bệnh dịch. Nếu chị L không đồng ý thì anh xin được trực tiếp nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Bông L và anh Nguyễn Đức H giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bông L và anh Nguyễn Đức H thuận tình ly hôn; về con chung: Anh chị thỏa thuận giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/12/2018 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, nhưng không thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con (chị L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng, anh H chỉ chấp nhận cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 55, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Bông L và anh Nguyễn Đức H; về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/12/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng, đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị L, anh H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; về án phí: Chị Nguyễn Thị Bông L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bông L có đơn khởi kiện xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung giữa chị với anh Nguyễn Đức H, địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị L nộp đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bông L và anh Nguyễn Đức H được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/01/2018 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 09 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng trong sinh hoạt và cách tổ chức cuộc sống chung dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do không giải quyết được mâu thuẫn, anh chị đã ly thân, không quan tâm gặp gỡ nhau. Đến nay, anh chị đều xác định không còn tình cảm, không thể duy trì quan hệ hôn nhân với nhau. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và có căn cứ để xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bông L và anh Nguyễn Đức H.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có một con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/12/2018 do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, anh H đồng ý. Tuy nhiên, anh chị không thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con. Tài liệu đã thu thập thể hiện chị L có công việc ổn định, thu nhập 11.000.000 đồng/ tháng và có thể bảo đảm điều kiện nuôi con về mọi mặt. Anh H là lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định. Như vậy, cần giao con dưới 36 tháng tuổi cho chị L nuôi dưỡng và buộc anh H cấp dưỡng nuôi con với một mức phù hợp để bảo đảm điều kiện nuôi con chung của chị L là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh Nguyễn Đức H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bông L và anh Nguyễn Đức H.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/12/2018 cho chị Nguyễn Thị Bông L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Nguyễn Đức H cấp dưỡng nuôi con với chị L, số tiền 1.200.000 đồng/ tháng, tính từ tháng 5/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần, vào ngày đầu của tháng. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ thời điểm chị L có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh H chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bông L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002226 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã N, huyện T (để ghi vào sổ Hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Đức Chính**